

Bản án: 411/2025/HNGĐ-ST

Ngày 26 - 11 - 2025

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và
gia đình - Ly hôn, nuôi con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Hoàng Nam

Ông Lê Văn Chi

- Thư ký phiên Tòa: Bà Huỳnh Thị Phượng là thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5
- An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang: Không tham gia phiên
tòa

Ngày 26 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An
Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 134/2025/TLST-HNGĐ,
ngày 01 tháng 10 năm 2025 vụ tranh chấp hôn nhân và gia đình “Ly hôn, nuôi con
chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 304/2025/QĐXXST -
HNGĐ, ngày 04 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Hồng S, sinh năm: 1983; địa chỉ: ấp S, xã N,
tỉnh An Giang

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm: 1979; địa chỉ: ấp N, xã N, tỉnh
An Giang

(Chị S, anh H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/7/2025 nguyên đơn chị Võ Thị Hồng S trình
bày:* Chị và anh Nguyễn Ngọc H trước khi lấy nhau có tìm hiểu và chung sống với
nhau vào năm 2022 (không tổ chức đám cưới) chưa đăng ký kết hôn. Vợ chồng
chung sống được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn; thường xuyên cãi
nhau, luôn bất đồng về quan điểm và cách sống, đã nhiều lần cho nhau cơ hội để
sửa chữa nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2025 cho

đến nay. Chị thấy rằng cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, chị yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh H; Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Võ Nguyễn An N - sinh ngày 31/8/2023, hiện đang sống cùng chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 03/11/2025, bị đơn anh Nguyễn Ngọc H trình bày: Anh và chị S chung sống với nhau từ năm 2022, không tổ chức đám cưới, đến nay chưa đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nay chị S yêu cầu ly hôn, anh đồng ý; Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Võ Nguyễn An N - sinh ngày 31/8/2023, hiện đang sống cùng vợ, anh đồng ý giao con cho vợ nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Võ Thị Hồng S yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình “Ly hôn, nuôi con chung” giữa chị và anh H. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

- Về sự có mặt của đương sự: Chị S và anh H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy việc vắng mặt của anh, chị không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị S, anh H.

[2]. Về nội dung:

{2.1} Về hôn nhân: Chị S và anh H trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước và chung sống với nhau vào năm 2022 nhưng chưa đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống luôn cãi nhau với lý do tính tình không hợp, đã nhiều lần cho nhau cơ hội sửa chữa nhưng không có kết quả. Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị S và anh H kể từ thời điểm chung sống với nhau vào năm 2022 cho đến ngày phát sinh tranh chấp thì anh - chị không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn mà sống chung với nhau như vợ chồng. Sau đó, sống ly thân từ tháng 01 năm 2025 cho đến nay là không tuân thủ theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, hôn nhân của chị S, anh H không được pháp luật thừa nhận. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Tuyên bố không công nhận là vợ chồng.

{2.2} Về con chung: Anh, chị xác định có 01 người con chung tên Võ Nguyễn An N - sinh ngày 31/8/2023, hiện đang sống cùng chị S, chị S yêu cầu được tiếp tục nuôi con và anh H cũng đồng ý giao cháu N cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng; việc thỏa thuận trên là tự nguyện và phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên ghi nhận.

{2.3} Về cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị S là người đang trực tiếp nuôi con nhưng không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh H có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm chị S phải nộp là 300.000 đồng; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị S đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002480 ngày 26/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Chị S đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Võ Thị Hồng S và anh Nguyễn Ngọc H là vợ chồng.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận anh Nguyễn Ngọc H giao cháu Võ Nguyễn An N - sinh ngày 31/8/2023 cho chị Võ Thị Hồng S trực tiếp nuôi dưỡng. Chị S không yêu cầu cấp dưỡng nên anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm chị S phải nộp là 300.000 đồng; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị S đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002480 ngày 26/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Chị S đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày các đương sự nhận được bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục thi hành án;
- Đương sự;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ, Vp

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Chuyên